

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 468 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
**Phê duyệt Chương trình “Bảo vệ và hỗ trợ trẻ em phát triển
trên môi trường mạng giai đoạn 2026 - 2030”**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Trẻ em ngày 05 tháng 4 năm 2016; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018 và Luật Tư pháp người chưa thành niên ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 12 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân ngày 26 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Trẻ em;

Căn cứ Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình “Bảo vệ và hỗ trợ trẻ em phát triển trên môi trường mạng giai đoạn 2026 - 2030” (sau đây gọi tắt là Chương trình) với những nội dung sau:

I. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM

1. Mục tiêu chung

- Thực hiện “mục tiêu kép” là tăng cường bảo vệ trẻ em và hỗ trợ, thúc đẩy trẻ em phát triển lành mạnh, tích cực, nâng cao năng lực số trong bối cảnh

chuyển đổi số quốc gia, hướng tới góp phần hình thành thể hệ “công dân số” của Việt Nam trong tình hình mới.

- Chuyển dịch cơ bản hoạt động bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng trở thành mô hình phòng ngừa, ngăn chặn chủ động các mối nguy hại đối với trẻ em trên môi trường mạng.

- Hình thành kiến trúc tổng thể bảo vệ trẻ em, thúc đẩy trẻ em phát triển lành mạnh, tích cực trên môi trường mạng, thông qua việc xây dựng, củng cố các trụ cột, gồm: (1) Hệ thống pháp lý về an ninh mạng, bảo vệ trẻ em được củng cố; (2) Chiến lược truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức thống nhất, xuyên suốt giai đoạn và triển khai ở quy mô quốc gia; (3) Các giải pháp an ninh mạng hỗ trợ quản lý hoạt động của trẻ em và bảo vệ trẻ em khi tham gia môi trường mạng, giải pháp giáo dục kỹ năng số, tư vấn, hỗ trợ thông minh được phổ cập và dễ tiếp cận với trẻ em; (4) Các lực lượng liên ngành được nâng cao năng lực thường xuyên, hiện đại và hiệp đồng hiệu quả; (5) Khả năng “miễn dịch chủ động” của trẻ em dựa trên kết quả giáo dục về kiến thức, kỹ năng an toàn trên môi trường mạng.

2. Mục tiêu cụ thể

- Hình thành và phổ cập các giải pháp an ninh mạng hỗ trợ quản lý hoạt động của trẻ em và bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng: Phần đầu 100% cơ sở giáo dục phổ thông được triển khai giải pháp an ninh mạng và 100% doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truy nhập Internet tại Việt Nam tích hợp giải pháp ngăn chặn thông tin độc hại trên đường truyền mạng.

- Xây dựng và triển khai tại 100% các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giải pháp công nghệ hỗ trợ giáo dục kỹ năng số, tư vấn, hỗ trợ thông minh cho trẻ em.

- Đảm bảo 100% trẻ em là nạn nhân bị xâm hại trên môi trường mạng được hỗ trợ, can thiệp khi có yêu cầu từ bản thân trẻ em hoặc từ người thân, cộng đồng xã hội.

3. Quan điểm xây dựng

- Bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng là một bộ phận của công tác bảo vệ an ninh mạng, bảo đảm an ninh con người, góp phần bảo vệ nguồn lực “Công dân số” phục vụ chuyển đổi số quốc gia, là trách nhiệm chung và yêu cầu sự chung tay của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội.

- Đề cao hợp tác công - tư; huy động tổng thể, tối đa sức mạnh tổng hợp của các nguồn lực trong nước và quốc tế; tôn trọng và thúc đẩy quyền tham gia,

sự đóng góp ý kiến trí tuệ, sáng kiến của trẻ em; lấy trẻ em làm trung tâm, bảo vệ mọi quyền trẻ em theo quy định pháp luật và vì lợi ích tốt nhất của trẻ em.

- Đề ra các giải pháp, nhiệm vụ cụ thể, thực chất giải quyết các yêu cầu, thách thức của tình hình mới, nhằm hoàn thành, đạt được các mục tiêu đã đặt ra; đảm bảo tính khả thi, khả năng đo lường, tính tương minh về kết quả đạt được và tiến độ hoàn thành.

- Bám sát thực hiện và phù hợp với các chủ trương, quan điểm của Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Chỉ thị số 57-CT/TW ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ban Bí thư về tăng cường bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin, an ninh dữ liệu trong hệ thống chính trị; Chiến lược, chương trình, kế hoạch chuyển đổi số quốc gia.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Tiếp tục củng cố, hoàn thiện hành lang pháp lý

Phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm mạng và nội luật hóa, thực hiện các quy định, khuyến nghị của Công ước về chống tội phạm xâm hại tình dục trẻ em. Xây dựng, ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025, Luật An ninh mạng năm 2025, quy định về xác thực tài khoản người dùng và quản lý trẻ em trên các nền tảng mạng xã hội, nhằm củng cố hành lang pháp lý bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng. Tổ chức các hoạt động nghiên cứu, hội thảo khoa học nhằm củng cố lý luận, thực tiễn và đánh giá khung pháp lý bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng.

2. Đảm bảo quyền tham gia và phát huy tối đa tiếng nói, trí tuệ của trẻ em; thu hẹp khoảng cách số và mức độ tiếp cận thông tin số của trẻ em giữa các vùng, miền

Đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về việc lấy ý kiến của trẻ em trong quá trình xây dựng chương trình, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, quyết định, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội về trẻ em hoặc liên quan đến trẻ em. Triển khai các sáng kiến (“Nhóm trẻ cố vấn kỹ thuật số”, “Sáng kiến trẻ em: Không gian số an toàn”,...) nhằm thúc đẩy trẻ em tham gia xây dựng, thực hiện các chính sách, chương trình, giải pháp giáo dục và bảo vệ trẻ em. Tăng cường huy động nguồn ngân sách thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR) và các nguồn tài trợ hợp pháp khác phục vụ đầu tư, trang cấp thiết bị số, giải pháp số bảo vệ trẻ em, nâng cao kỹ năng số cho trẻ em tại các khu vực vùng sâu, vùng xa, khó khăn về kinh tế, xã hội.

3. Thúc đẩy phát triển, phổ cập các giải pháp an ninh mạng hỗ trợ bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng và giải pháp giáo dục kỹ năng số cho trẻ em

Nghiên cứu, đề xuất triển khai các chương trình, đề án, cơ chế thúc đẩy phát triển và phổ cập các giải pháp an ninh mạng do doanh nghiệp Việt Nam nghiên cứu, làm chủ công nghệ, có tính năng hỗ trợ quản lý hoạt động của trẻ em và bảo vệ trẻ em khi tham gia môi trường mạng; giải pháp giáo dục kỹ năng số cho trẻ em; hướng tới hình thành hệ sinh thái, kho ứng dụng số chọn lọc dành cho trẻ em Việt Nam.

4. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, gia tăng trách nhiệm của doanh nghiệp trong thực hiện các giải pháp bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng

Các bộ, ngành có trách nhiệm tăng cường quản lý nhà nước, kiểm tra, đánh giá, yêu cầu các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ liên quan tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về triển khai giải pháp bảo vệ trẻ em, cung cấp thông tin cho cơ quan có thẩm quyền phục vụ điều tra, xử lý hành vi xâm hại trẻ em trên môi trường mạng; xử lý đúng quy định pháp luật đối với các doanh nghiệp không triển khai giải pháp bảo vệ trẻ em, bảo vệ dữ liệu cá nhân của trẻ em trên dịch vụ, nền tảng do mình cung cấp theo quy định. Sớm khắc phục các hạn chế trong hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông, Internet và thông tin trên mạng, nhất là xác thực tài khoản người dùng mạng xã hội, thuê bao viễn thông và tài nguyên Internet. Quán triệt các doanh nghiệp thực hiện cơ chế ưu tiên phối hợp phục vụ điều tra, xác minh, đấu tranh, xử lý, ngăn chặn các hành vi xâm hại tình dục trẻ em, tán phát tài liệu khiêu dâm trẻ em trên mạng.

5. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, hiện đại hóa các hệ thống thông tin phục vụ công tác bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng

Nâng cấp toàn diện các hệ thống thông tin của cơ quan, lực lượng chuyên trách bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng gồm “Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em”, “Mạng lưới ứng cứu, bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng” nhằm nâng cao hiệu quả, hiệu suất công tác và gia tăng mức độ tiếp cận, sử dụng của người dân, trẻ em, đồng thời, phục vụ tốt chức năng điều phối liên ngành, phối hợp công - tư. Nghiên cứu xây dựng Hệ thống trợ lý ảo thông minh tích hợp trí tuệ nhân tạo, thân thiện với trẻ em, có khả năng tự động hóa việc tư vấn, hướng dẫn xử lý tình huống xâm hại, hỗ trợ gửi tin báo đến cơ quan chức năng. Phát triển giải pháp kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp kết nối, xác thực tài khoản người dùng dịch vụ; giải pháp nhận diện nạn nhân bị xâm hại và nghi phạm thông qua dữ liệu hình ảnh, video thu thập được trên môi trường mạng. Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế trong việc xây dựng, vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu CSAM (Child Sexual Abuse Material - tài liệu xâm hại tình dục trẻ em).

6. Triển khai các hoạt động truyền thông thống nhất, đồng bộ ở quy mô quốc gia; các hoạt động nâng cao nhận thức xã hội và thúc đẩy trách nhiệm, vai trò đồng hành của gia đình

Nghiên cứu thành lập Tiểu ban truyền thông, xây dựng chiến lược truyền thông xuyên suốt giai đoạn 2026 - 2030, huy động nguồn lực, điều phối và tổ chức thống nhất các hoạt động truyền thông ở quy mô quốc gia. Khuyến khích tổ chức các cuộc thi, sân chơi về an ninh mạng, sáng tạo lành mạnh cho trẻ em. Triển khai các hoạt động nghiên cứu về “Sức khỏe tâm thần số của trẻ em” nhằm nâng cao nhận thức xã hội về tác hại của lạm dụng công nghệ, việc tiếp cận thông tin độc hại. Xây dựng mô hình “Cha mẹ đồng hành cùng con trên môi trường trực tuyến” nhằm thúc đẩy trách nhiệm, sự tham gia và hiệu quả đồng hành của gia đình trong công tác bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng. Nâng cao năng lực cho đội ngũ phóng viên, biên tập viên các cơ quan báo chí và huy động người có ảnh hưởng (KOLs) trên mạng xã hội, các đơn vị quản lý mạng lưới đa kênh (MCN: Multi-Channel Network) trong công tác tuyên truyền bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng.

7. Thúc đẩy sản xuất, lan tỏa các sản phẩm văn hóa, văn học, nghệ thuật đại chúng, nội dung giải trí số lành mạnh, bồi dưỡng tâm hồn, thúc đẩy tư duy, sáng tạo cho trẻ em

Khuyến khích hoạt động sáng tác, sản xuất và có cơ chế đặt hàng các sản phẩm văn hóa, văn học, nghệ thuật đại chúng, nội dung giải trí số có giá trị giáo dục lành mạnh, bồi dưỡng tâm hồn, bổ trợ kiến thức, kỹ năng số cho trẻ em. Đồng thời, xử lý kịp thời, nghiêm minh những văn, nghệ sĩ, ca sĩ, người có ảnh hưởng trên môi trường mạng hoặc sản phẩm nghệ thuật, văn học, nội dung giải trí lệch chuẩn về văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục, vi phạm pháp luật, ảnh hưởng tiêu cực đến trẻ em.

8. Nâng cao năng lực cho lực lượng chuyên trách; phòng ngừa, ngăn chặn các mối nguy hại, rủi ro và đấu tranh, xử nghiêm minh các hành vi xâm hại trẻ em trên môi trường mạng

Các bộ, ngành thường xuyên tổ chức tập huấn, đào tạo nhằm nâng cao kỹ năng tiếp nhận, điều phối, xử lý tin báo, tố giác tội phạm và điều tra, giải quyết, xét xử các vụ việc xâm hại trẻ em trên môi trường mạng; kỹ năng giao tiếp, tương tác, truyền thông, hướng dẫn thân thiện với trẻ em. Thực hiện có trách nhiệm các hoạt động tư vấn, can thiệp, hỗ trợ trẻ em bị xâm hại trên môi trường mạng phục hồi, hòa nhập, phát triển. Lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng và các cơ quan chức năng liên quan có trách nhiệm áp dụng biện pháp để phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm các hành vi sử dụng môi trường

mạng xâm hại trẻ em, gây nguy hại cho trẻ em.

9. củng cố công tác phối hợp liên ngành, đảm bảo thông suốt, thường trực và hiệp đồng hiệu quả

Kiến toàn hoạt động của “Mạng lưới ứng cứu, bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng” (Thành lập theo Quyết định số 716/QĐ-BTTTT ngày 26 tháng 5 năm 2021), điều chỉnh cơ chế hoạt động, mở rộng kết nối công - tư, huy động hiệu quả các nguồn lực phục vụ công tác bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng. Các bộ, ban ngành liên quan chỉ đạo bố trí, hình thành mạng lưới đầu mối thường trực theo ngành dọc tại 100% các địa phương, sẵn sàng phục vụ tiếp nhận, xử lý các yêu cầu bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng.

10. Tăng cường hợp tác quốc tế

Tiếp tục tham gia tích cực, có trách nhiệm, thực hiện các cam kết, tuyên bố, kế hoạch, chương trình hành động, sáng kiến chung của khu vực và quốc tế chống lại mọi hình thức xâm hại trẻ em trên môi trường mạng. Duy trì hiệu quả các hoạt động thực thi pháp luật quốc tế, điều phối và hợp tác với INTERPOL, ASEANAPOL và Cơ quan phòng, chống ma túy và tội phạm Liên hợp quốc (UNODC). Thúc đẩy mở rộng ký kết, thực hiện tốt các hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa Việt Nam và các quốc gia, phục vụ đấu tranh với tội phạm xâm hại trẻ em, tán phát tài liệu khiêu dâm trẻ em xuyên quốc gia. Hợp tác chặt chẽ với Tòa án các nước, đối tác nước ngoài thực hiện các dự án hỗ trợ kỹ thuật, nâng cao hiệu quả giải quyết, xét xử các vụ án xâm hại trẻ em trên môi trường mạng. Thiết lập cơ chế đối thoại thường niên về an ninh mạng đối với ngành giáo dục trong khuôn khổ ASEAN, APEC, đồng phát triển và nghiên cứu tiếp thu, thúc đẩy áp dụng các khung chính sách, công nghệ, tiêu chuẩn quốc tế về an ninh mạng vào ngành giáo dục Việt Nam. Khuyến khích các tổ chức phi chính phủ quốc tế tuân thủ pháp luật Việt Nam, tăng cường các hoạt động, dự án nâng cao năng lực số, thu hẹp khoảng cách số, phòng ngừa xâm hại trẻ em trên môi trường mạng. Cung cấp các nội dung đánh giá, xây dựng báo cáo quốc gia của Việt Nam về bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng phục vụ xếp hạng, đánh giá của quốc tế khi có yêu cầu. Kêu gọi, vận động các nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và các nguồn vốn hỗ trợ quốc tế hợp pháp cho các chương trình, dự án về bảo vệ, hỗ trợ trẻ em phát triển, nâng cao năng lực số trên môi trường mạng.

11. Đảm bảo cơ chế kiểm tra, giám sát, đánh giá, sơ kết, tổng kết về kết quả triển khai; có cơ chế biểu dương, khen thưởng, vinh danh các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc

Bộ Công an chủ trì, định kỳ tổ chức Đoàn kiểm tra kết quả thực hiện Chương trình tại các địa phương, bộ, ngành, doanh nghiệp liên quan. Đảm bảo thực hiện báo cáo sơ kết hàng năm và tổng kết giai đoạn 2026 - 2030; tham mưu cấp thẩm quyền có hình thức biểu dương, khen thưởng theo quy định đối với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc và nghiên cứu phát động giải thưởng vinh danh đối với các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp có đóng góp nổi bật trong công tác bảo vệ và hỗ trợ trẻ em phát triển trên môi trường mạng.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Phân công nhiệm vụ triển khai Chương trình bảo vệ và hỗ trợ trẻ em phát triển trên môi trường mạng giai đoạn 2026 - 2030”.

2. Bộ Công an là cơ quan chủ trì, giúp Thủ tướng Chính phủ theo dõi, chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá kết quả và đôn đốc thực hiện Chương trình, đảm bảo thống nhất, hiệu quả thực chất; tham mưu Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Chương trình.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm trực tiếp trước Thủ tướng Chính phủ về công tác chỉ đạo và kết quả thực hiện Chương trình này.

4. Kinh phí thực hiện

- Bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành, bảo đảm theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định pháp luật khác có liên quan; lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, đề án hiện hành; nguồn tài trợ, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; các nguồn hợp pháp theo quy định của pháp luật. Hàng năm, căn cứ nhiệm vụ được giao trong Chương trình, căn cứ khả năng cân đối của ngân sách nhà nước, các bộ, ngành trung ương và địa phương xây dựng kế hoạch triển khai và dự toán kinh phí thực hiện, tổng hợp chung trong kế hoạch dự toán ngân sách hằng năm của bộ, ngành trung ương và địa phương trình cấp có thẩm quyền quyết định.

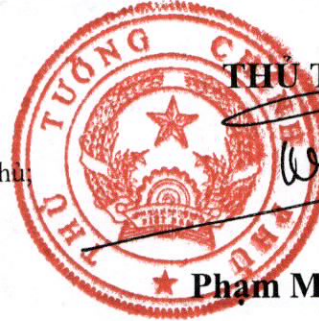
- Khuyến khích việc huy động từ các nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), đóng góp của các tổ chức, doanh nghiệp và các nguồn tài trợ hợp pháp khác theo quy định pháp luật.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- Hội Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam,
Hiệp hội An ninh mạng quốc gia;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT,
các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CDS (02b).



THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

Phụ lục
PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH “BẢO VỆ VÀ HỖ TRỢ TRẺ EM PHÁT TRIỂN
TRÊN MÔI TRƯỜNG MẠNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030”

(Kèm theo Quyết định số 468 /QĐ-TTg ngày 23 tháng 3 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

| STT | Nội dung nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời hạn hoàn thành | Sản phẩm/ Kết quả |
|-----|--|-----------------|-------------------------------------|------------------------|--|
| I | Tiếp tục củng cố, hoàn thiện hành lang pháp lý | | | | |
| 1 | Tham mưu cấp thẩm quyền phê chuẩn Công ước Liên hợp quốc về chống tội phạm mạng | Bộ Ngoại giao | Bộ Tư pháp; Bộ Công an | Quý II/2026 | Tờ trình cấp thẩm quyền phê chuẩn Công ước |
| 2 | Tham mưu cấp thẩm quyền nội luật hóa các quy định về hành vi xâm hại tình dục trẻ em, tán phát hình ảnh xâm hại tình dục trẻ em trên môi trường mạng theo khuyến nghị của Công ước Liên hợp quốc về chống tội phạm mạng | Bộ Công an | Bộ Tư pháp; Bộ Ngoại giao | Quý IV/2026 | Quy định pháp luật về các hành vi xâm hại tình dục trẻ em phù hợp với Công ước được ban hành |
| 3 | Xây dựng các quy định thống nhất nhằm thực hiện các biện pháp thủ tục và thực thi pháp luật phù hợp với quy định của Công ước; sẵn sàng các điều kiện cho việc xây dựng điểm/lực lượng liên lạc 24/7 phục vụ công tác điều tra hình sự tội phạm xâm hại tình dục trẻ em theo đề nghị của các quốc gia thành viên | Bộ Công an | Bộ Tư pháp | Quý II/2027 | Hệ thống các quy định, cơ chế phối hợp, hướng dẫn các bên liên quan thực hiện |
| 4 | Định kỳ tổ chức các hội thảo khoa học, nghiên cứu, đánh giá củng cố lý luận, thực tiễn khung pháp lý, phục vụ kiến nghị điều chỉnh, hoàn thiện, tăng cường bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng | Bộ Tư pháp | Toà án nhân dân tối cao; Bộ Công an | Thực hiện thường xuyên | Hội thảo khoa học tổ chức thường xuyên; báo cáo trình cấp thẩm quyền thể hiện được kết quả |
| 5 | Tham mưu xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành các | Bộ Khoa học | Bộ Tư pháp; Bộ | Quý I/2026 | Văn bản hướng dẫn |

| | | | | | |
|-----------|--|----------------------------------|--|------------------------|--|
| | văn bản hướng dẫn thi hành Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025, liên quan tới quy định về ứng dụng trí tuệ nhân tạo nhằm bảo vệ trẻ em khi tham gia môi trường mạng | và Công nghệ | Công an; Bộ Y tế; Bộ Giáo dục và Đào tạo | | thi hành Luật được ban hành |
| 6 | Tham mưu xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Luật An ninh mạng năm 2025, các quy định về xác thực tài khoản người dùng và quản lý trẻ em trên các nền tảng mạng xã hội, nhằm củng cố hành lang pháp lý bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng. | Bộ Công an | Bộ Tư pháp; Bộ Y tế; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Giáo dục và Đào tạo | Quý I/2027 | Các văn bản hướng dẫn được ban hành |
| II | Bảo đảm quyền tham gia và phát huy tối đa tiếng nói, trí tuệ của trẻ em; thu hẹp khoảng cách số và mức độ tiếp cận thông tin số của trẻ em giữa các vùng miền | | | | |
| 1 | Thành lập “Nhóm trẻ cố vấn kỹ thuật số” là nhóm trẻ em được chọn đảm bảo tính đại diện về vùng miền, dân tộc, độ tuổi, giới tính, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, được đào tạo, tập huấn về an toàn trực tuyến; là lực lượng tham gia đóng góp vào quá trình xây dựng các chính sách, chương trình, giải pháp giáo dục và bảo vệ trẻ em nhằm đảm bảo mức độ thân thiện, phù hợp về tâm lý, ngôn ngữ, xu hướng của trẻ em từng độ tuổi, gia tăng mức độ nhận diện, tiếp thu các thông tin, kiến thức ở trẻ em | Hội Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam | Bộ Công an; Bộ Y tế; Bộ Giáo dục và Đào tạo | Quý II/2027 | “Nhóm trẻ cố vấn kỹ thuật số” được thành lập, gồm khoảng 50 đến 100 trẻ em, được đào tạo chuyên sâu về bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng và đánh giá ứng dụng |
| 2 | Tiếp tục triển khai có hiệu quả mô hình “Sáng kiến trẻ em: Không gian số an toàn” hàng năm, nhằm thúc đẩy trẻ em tìm hiểu, đưa ra sáng kiến và đề xuất các cơ quan chức năng cụ thể hóa, triển khai thực hiện góp phần bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng bằng chính giải pháp của trẻ em | Hội Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam | Bộ Công an; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Giáo dục và Đào tạo | Thực hiện thường xuyên | Cuộc thi “Sáng kiến trẻ em” được tổ chức hàng năm |
| 3 | Định kỳ hàng năm tiến hành lấy ý kiến trẻ em về các vấn đề liên quan đến bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng | Hội Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam | Bộ Công an; Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh | Thực hiện thường xuyên | Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát ý kiến trẻ em hàng năm |

| | | | | | |
|------------|--|--------------------------------|---|--|---|
| 4 | Tăng cường huy động nguồn ngân sách thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR) và các nguồn tài trợ hợp pháp khác phục vụ đầu tư, tài trợ, trang cấp thiết bị số, giải pháp số bảo vệ trẻ em, các mô hình phòng học Internet an toàn, chương trình đào tạo nâng cao năng lực, kỹ năng số cho trẻ em tại các khu vực vùng sâu, vùng xa, khó khăn về kinh tế, xã hội. | Bộ Công an | Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Y tế; Hội Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam | Thực hiện thường xuyên | Thiết bị, giải pháp, mô hình bảo vệ, hỗ trợ trẻ em phát triển được đầu tư, tài trợ tại khu vực vùng sâu, vùng xa, khó khăn về kinh tế, xã hội |
| III | Thúc đẩy phát triển, phổ cập các giải pháp an ninh mạng hỗ trợ bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng và giải pháp giáo dục kỹ năng số cho trẻ em | | | | |
| 1 | Nghiên cứu, đề xuất triển khai các chương trình, đề án, cơ chế thúc đẩy phát triển và phổ cập các giải pháp an ninh mạng do doanh nghiệp Việt Nam nghiên cứu, làm chủ công nghệ, hỗ trợ quản lý hoạt động của trẻ em và bảo vệ trẻ em khi tham gia môi trường mạng | Bộ Công an | Bộ Tài chính; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Y tế; Hiệp hội An ninh mạng quốc gia; Hội Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam | Thực hiện thường xuyên | Báo cáo trình cấp thẩm quyền phê duyệt chương trình, đề án hoặc chủ trương |
| 2 | Khuyến khích doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông di động, dịch vụ truy nhập Internet, giải pháp công nghệ hỗ trợ bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng, cung cấp các gói dịch vụ, sản phẩm miễn phí, ưu đãi, tặng kèm để thúc đẩy người dân truy cập, sử dụng các dịch vụ bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng | Bộ Công an | Bộ Tài chính; Doanh nghiệp | Thực hiện thường xuyên | Chương trình, gói cước, gói sản phẩm ưu đãi doanh nghiệp được công bố triển khai |
| 3 | Phát triển và triển khai nền tảng giáo dục kỹ năng số cho trẻ em, cung cấp nội dung giáo dục trực quan, ngắn gọn, dễ tiếp thu, dễ thực hành; có cơ chế kiểm tra, đánh giá kết quả học tập | Hiệp hội An ninh mạng quốc gia | Bộ Công an; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Khoa học và Công nghệ | - Hoàn thành thiết kế thí điểm trong năm 2026 - Triển khai mở rộng toàn quốc từ quý | Nền tảng công nghệ cung cấp nội dung giáo dục kỹ năng số, cảnh báo nguy cơ cho trẻ em được công bố, hoạt động; dễ dàng tiếp cận, sử |

| | | | | I/2027 | dụng |
|-----------|--|--------------------------|---|------------------------|--|
| 4 | Hình thành nền tảng bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng, là hệ sinh thái, kho ứng dụng số chọn lọc dành cho trẻ em Việt Nam, bao gồm các ứng dụng hỗ trợ bảo vệ trẻ em, ứng dụng học tập, sáng tạo, giải trí lành mạnh, đã được thẩm định, đánh giá bởi các cơ quan chức năng; ưu tiên quảng bá, phân phối các ứng dụng, giải pháp do doanh nghiệp Việt Nam nghiên cứu, phát triển | Bộ Công an | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Giáo dục và Đào tạo | Quý II/2027 đến 2030 | Nền tảng công nghệ là kho các ứng dụng số chọn lọc cho trẻ em được công bố, hoạt động; dễ dàng tiếp cận, sử dụng |
| 5 | Nghiên cứu mở rộng hạng mục hỗ trợ nghiên cứu, đặt hàng công nghệ bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng đối với Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia, nhằm thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu, thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực này | Bộ Khoa học và Công nghệ | Bộ Công an, Hiệp hội An ninh mạng quốc gia; Hội Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam | Quý I/2027 | Đề tài nghiên cứu, nhiệm vụ khoa học phát triển công nghệ, giải pháp bảo vệ trẻ em được tài trợ triển khai thông qua Quỹ |
| IV | Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, gia tăng trách nhiệm của doanh nghiệp trong thực hiện các giải pháp bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng | | | | |
| 1 | Thiết lập cơ chế quản lý nhà nước, đảm bảo các nền tảng xuyên biên giới xóa bỏ 100% thông tin xâm phạm quyền trẻ em, gây nguy hại cho trẻ em và cung cấp thông tin người dùng cho lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng phục vụ xác minh, điều tra các vụ án xâm hại tình dục trẻ em liên quan đến các nền tảng; có cơ chế theo dõi, đánh giá mức độ tuân thủ, tín nhiệm của các nền tảng | Bộ Công an | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Doanh nghiệp | Thực hiện thường xuyên | Thiết lập đầu mối và cơ chế yêu cầu tuân thủ tại ít nhất 05 nền tảng xuyên biên giới có lượng người dùng Việt Nam lớn nhất |
| 2 | Chỉ đạo triển khai quyết liệt chương trình chuyển đổi IPv6 cho Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030; yêu cầu các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet đẩy nhanh quá trình chuyển đổi IPv6, đảm bảo định danh địa chỉ IP phục vụ công tác điều tra, đấu tranh với tội phạm xâm hại trẻ em trên môi trường mạng (theo Chỉ thị số 57-CT/TW ngày 31/12/2025 của Ban Bí thư về tăng cường bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin, an | Bộ Khoa học và Công nghệ | Doanh nghiệp | Thực hiện thường xuyên | Cơ quan chủ trì có văn bản chỉ đạo, tổ chức, hướng dẫn triển khai; tiến độ chuyển đổi IPv6 đảm bảo mục tiêu theo Quyết định số |

| | | | | | |
|---|---|---------------------------------|---|------------------------|--|
| | ninh dữ liệu trong hệ thống chính trị) | | | | 3369/QĐ-BKHCN, ngày 27/10/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ, ban hành “Chương trình thúc đẩy, triển khai, chuyển đổi IPv6 only cho Việt Nam giai đoạn 2026-2030” |
| 3 | Chỉ đạo các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông di động, tài nguyên Internet, tổ chức tín dụng tại Việt Nam triển khai xác thực tính chính chủ của thông tin tài khoản, thuê bao người dùng qua Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (theo Chỉ thị số 57-CT/TW ngày 31/12/2025 của Ban Bí thư về tăng cường bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin, an ninh dữ liệu trong hệ thống chính trị; Công điện số 139/CD-TTg, ngày 23/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường phòng ngừa, xử lý hoạt động lừa đảo chiếm đoạt tài sản sử dụng công nghệ cao, trên không gian mạng) | Bộ Công an | Bộ Khoa học và Công nghệ; Ngân hàng Nhà nước; Doanh nghiệp | Thực hiện thường xuyên | Cơ quan chủ trì có văn bản đề nghị cơ quan phối hợp, tổ chức, hướng dẫn triển khai đối với 100% doanh nghiệp, tổ chức liên quan |
| 4 | Yêu cầu doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truy nhập Internet triển khai các giải pháp ngăn chặn trẻ em truy cập vào các nguồn thông tin vi phạm pháp luật, độc hại; các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tìm kiếm thông tin trực tuyến tại Việt Nam phải kích hoạt mặc định chế độ “Tìm kiếm an toàn”, ngăn chặn hoàn toàn việc hiển thị các kết quả tìm kiếm đến nội dung vi phạm pháp luật trên công cụ tìm kiếm do mình cung cấp theo quy định của Luật An ninh mạng và các quy định khác liên quan | Bộ Công an | Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Doanh nghiệp | Thực hiện thường xuyên | Cơ quan chủ trì có văn bản đề nghị cơ quan phối hợp, tổ chức, hướng dẫn triển khai đối với 100% doanh nghiệp liên quan |
| 5 | Yêu cầu các doanh nghiệp cung cấp, phân phối trò chơi điện tử tại Việt Nam phải có giải pháp giới hạn thời gian chơi, thời gian học tập trực tuyến nhằm đảm bảo sức khỏe thể chất, tinh | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Doanh nghiệp | Thực hiện thường xuyên | Cơ quan chủ trì có chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện đối với |

| | | | | | |
|----------|--|---------------------------------|---|------------------------|--|
| | thần cho người dưới 16 tuổi; xây dựng giải pháp chặn lọc các từ khóa nhạy cảm, độc hại, chặn hoàn toàn việc truy cập các liên kết không an toàn bên ngoài dịch vụ do mình cung cấp | | | | 100% doanh nghiệp tại Việt Nam liên quan |
| 6 | Yêu cầu các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội thực hiện xác thực tài khoản của người sử dụng dịch vụ tại Việt Nam; có giải pháp cung cấp chế độ người dùng riêng dành cho người dưới 16 tuổi trên nền tảng; có phải pháp phân loại thông tin và ngăn chặn chủ động việc hiển thị, truy cập đối với trẻ em các thông tin không phù hợp, độc hại trên nền tảng theo đúng quy định của Luật An ninh mạng và các quy định khác liên quan | Bộ Công an | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Khoa học và Công nghệ; Doanh nghiệp | Thực hiện thường xuyên | Báo cáo cấp có thẩm quyền kết quả kiểm tra, đánh giá tình hình tuân thủ và kiến nghị các giải pháp nhằm hỗ trợ, hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện |
| 7 | Thông báo, đề nghị các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông di động, dịch vụ truy nhập Internet, tổ chức tín dụng, dịch vụ xe công nghệ, thương mại điện tử,... có hình thức cụ thể quán triệt trong toàn bộ máy thực hiện cơ chế ưu tiên phối hợp cung cấp thông tin để phục vụ điều tra, xác minh, đấu tranh, xử lý các vụ, việc xâm hại tình dục trẻ em, tán phát tài liệu khiêu dâm trẻ em liên quan đến nền tảng, dịch vụ mình cung cấp, khi nhận được yêu cầu bằng văn bản theo đúng quy định pháp luật từ cơ quan có thẩm quyền | Bộ Công an | Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Công thương; Ngân hàng Nhà nước | Thực hiện thường xuyên | Cơ quan chủ trì có văn bản đề nghị cơ quan phối hợp, chỉ đạo, hướng dẫn doanh nghiệp trong lĩnh vực quản lý quán triệt thực hiện |
| 8 | Yêu cầu các đơn vị truyền hình, cơ quan thông tấn, báo chí thực hiện nghiêm túc quy định về bảo đảm bí mật thông tin về đời sống riêng tư và bí mật cá nhân của trẻ em; đảm bảo tỷ lệ, nội dung, thời điểm, thời lượng dành cho trẻ em và cảnh báo nội dung không phù hợp với trẻ em trong hoạt động báo chí, cung cấp thông tin trên mạng | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Đơn vị truyền hình, cơ quan thông tấn, báo chí | Thực hiện thường xuyên | Cơ quan chủ trì có chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện đối với 100% đơn vị liên quan |
| V | Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, hiện đại hóa các hệ thống thông tin phục vụ công tác bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng | | | | |
| 1 | Ứng dụng công nghệ thông tin, hiện đại hóa hệ thống tiếp nhận, điều phối xử lý phản ánh, trình báo thông tin xâm hại trẻ | Bộ Y tế | | Thực hiện thường xuyên | Hệ thống thông tin của Tổng đài 111 |

| | | | | | |
|---|---|--------------------------------|--|--|---|
| | em của Tổng đài điện thoại Quốc gia bảo vệ trẻ em | | | | được nâng cấp |
| 2 | Nâng cấp các hệ thống thông tin của “Mạng lưới ứng cứu, bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng” (Thành lập theo Quyết định số 716/QĐ-BTTTT ngày 26/5/2021) nhằm đa dạng hóa các kênh tiếp nhận báo cáo thông tin xâm hại trẻ em trên môi trường mạng; phục vụ thông báo, điều phối đến các thành viên để xử lý theo chức năng, nhiệm vụ | Bộ Công an | Hội Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam; Hiệp hội An ninh mạng quốc gia | Quý II/2027 | Hệ thống thông tin của Mạng lưới được nâng cấp hoặc xây dựng mới phù hợp với tình hình thực tiễn |
| 3 | Nghiên cứu xây dựng Hệ thống trợ lý ảo thông minh “Người đồng hành số” tích hợp trí tuệ nhân tạo (AI), được thiết kế thân thiện với trẻ em, có khả năng tự động tư vấn, hướng dẫn về kỹ năng an toàn trên môi trường mạng, xử lý tình huống xâm hại, hỗ trợ gửi tin báo đến cơ quan chức năng (Hệ thống đóng vai trò hỗ trợ và không thay thế chức năng tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm của cơ quan chức năng) | Hiệp hội An ninh mạng quốc gia | Bộ Công an; Bộ Y tế; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Khoa học và Công nghệ; Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Nhóm trẻ tư vấn kỹ thuật số | - Phác thảo mô hình AI trong năm 2026 - Triển khai thử nghiệm trong năm 2027 - Mở rộng áp dụng từ quý I/2028 | Hệ thống trợ lý ảo được công bố, hoạt động; dễ dàng tiếp cận, sử dụng |
| 4 | Triển khai các chiến dịch quảng bá, phủ sóng rộng rãi đến toàn dân thông tin nhận diện, hướng dẫn sử dụng đối với Tổng đài điện thoại Quốc gia bảo vệ trẻ em; Mạng lưới ứng cứu, bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng; Hệ thống trợ lý ảo thông minh “Người đồng hành số” | Hiệp hội An ninh mạng quốc gia | Bộ Công an; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Y tế; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Hội Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam; Liên minh Niềm tin số; Cơ | Thực hiện thường xuyên | Các chương trình truyền thông, quảng bá, nhận diện, hướng dẫn sử dụng được tổ chức thường xuyên, đa dạng hình thức; báo cáo cấp có thẩm quyền kết quả thực hiện |

| | | | | | |
|-----------|--|------------|---|--------------|--|
| | | | quan truyền hình, thông tấn, báo chí; Doanh nghiệp | | |
| 5 | Nghiên cứu, phát triển giao thức kỹ thuật cho phép các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông di động, tài nguyên Internet, mạng xã hội, trò chơi điện tử... kết nối, sử dụng dữ liệu phục vụ xác thực tài khoản người dùng dịch vụ; nghiên cứu, phát triển giải pháp nhận diện nạn nhân bị xâm hại và nghi phạm trong các vụ việc xâm hại trẻ em, tán phát tài liệu khiêu dâm trẻ em thông qua dữ liệu hình ảnh, video thu thập được trên môi trường mạng | Bộ Công an | Bộ Khoa học và Công nghệ | Quý IV/2026 | Giao thức kỹ thuật được công bố và cho phép doanh nghiệp, nền tảng mạng xã hội tích hợp, sử dụng |
| 6 | Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế trong việc xây dựng, vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu CSAM (Child Sexual Abuse Material - tài liệu xâm hại tình dục trẻ em) | Bộ Công an | Bộ Y tế; Hội Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam; Hiệp hội An ninh mạng quốc gia | Quý II/2028 | Báo cáo cấp có thẩm quyền nội dung đánh giá kinh nghiệm quốc tế và kiến nghị công tác đối với Việt Nam |
| VI | Triển khai các hoạt động truyền thông thống nhất, đồng bộ ở quy mô quốc gia; các hoạt động nâng cao nhận thức xã hội và thúc đẩy trách nhiệm, vai trò đồng hành của gia đình | | | | |
| 1 | Nghiên cứu thành lập Tiểu ban truyền thông, xây dựng chiến lược truyền thông, tuyên truyền về Chương trình trong cả giai đoạn 2026 - 2030 nhằm điều phối và tổ chức thống nhất các hoạt động truyền thông đồng bộ ở quy mô quốc gia | Bộ Công an | Hiệp hội An ninh mạng quốc gia; Hội bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam; Đài Truyền hình Việt Nam; Thông tấn xã Việt Nam; Đài Tiếng nói Việt Nam | Quý III/2026 | Quyết định thành lập Tiểu ban truyền thông và ban hành quy chế hoạt động |

| | | | | | |
|---|---|---------------------------------------|--|---------------------------|--|
| 2 | Các cơ quan thông tấn, báo chí, truyền hình tăng cường thông tin tuyên truyền về công tác bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng; nghiên cứu xây dựng các nội dung tuyên truyền, bổ sung chuyên mục phù hợp hoặc tham gia triển khai các loạt bài, chiến dịch truyền thông theo kế hoạch của Tiểu ban truyền thông về Chương trình. | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Đài truyền hình Việt Nam; Thông tấn xã Việt Nam; Đài Tiếng nói Việt Nam | Thực hiện thường xuyên | Cơ quan chủ trì có chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện đối với 100% đơn vị liên quan; hoạt động truyền hình, thông tấn, báo chí về bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng thực hiện thường xuyên |
| 3 | Triển khai có quy mô và hiệu quả Chương trình “Không một mình” với các chủ đề từng năm phù hợp với xu hướng, nguy cơ về an toàn trực tuyến đối với trẻ em, huy động sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội để đồng hành, bảo vệ và hỗ trợ trẻ em trên môi trường mạng | Bộ Công an | Liên minh niềm tin số; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Y tế; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thực hiện thường xuyên | Chương trình “Không một mình” được tổ chức hàng năm |
| 4 | Tổ chức các hoạt động tập huấn để nâng cao năng lực cho đội ngũ phóng viên, biên tập viên các cơ quan báo chí trong công tác đưa tin, tuyên truyền về bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Bộ Công an; Bộ Y tế | Thực hiện thường xuyên | Cơ quan chủ trì có chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện đối với 100% đơn vị liên quan; hội nghị, chương trình tập huấn được tổ chức thường xuyên |
| 5 | Huy động, đặt hàng các cơ quan báo chí, thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền nhằm cung cấp thông tin, phổ biến kiến thức, giúp trẻ em học các kỹ năng nâng cao khả năng tự bảo vệ bản thân trên môi trường mạng | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Bộ Công an; Bộ Y tế; Bộ Giáo dục và Đào tạo | Thực hiện thường xuyên | Sản phẩm truyền thông, truyền hình, báo chí đảm bảo yêu cầu theo đặt hàng được sản xuất, phát hành |

| | | | | | |
|------------|--|----------------------------------|---|------------------------|---|
| 6 | Huy động, đặt hàng người có ảnh hưởng (KOLs) trên mạng xã hội, đơn vị quản lý mạng lưới đa kênh (MCN: Multi-Channel Network) sáng tạo nội dung, tham gia các chiến dịch, thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng | Bộ Công an | Liên minh niềm tin số | Thực hiện thường xuyên | Sản phẩm tuyên truyền, sáng tạo nội dung đảm bảo yêu cầu theo đặt hàng được sản xuất, phát hành |
| 7 | Xây dựng mô hình “Cha mẹ đồng hành cùng con trên môi trường trực tuyến”, xây dựng lực lượng chuyên viên nòng cốt triển khai các hoạt động chia sẻ, tập huấn về kỹ năng đồng hành cùng trẻ em trên môi trường mạng | Hội Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam | Thực hiện thường xuyên | Hình thành nhóm thành viên nòng cốt (khoảng 120 người) để tập huấn cho cha mẹ tại cộng đồng |
| 8 | Nghiên cứu khoa học về “Sức khỏe tâm thần số của trẻ em” dưới tác động của các loại nội dung độc hại và hành vi lạm dụng công nghệ số, nhằm nâng cao nhận thức xã hội về tác động của các loại thông tin độc hại, phục vụ giáo dục, tuyên truyền bảo vệ sức khỏe tâm thần trẻ em | Bộ Y tế | Hội Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam; Bộ Công an; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Giáo dục và Đào tạo | Thực hiện thường xuyên | Báo cáo cấp có thẩm quyền kết quả nghiên cứu và kiến nghị công tác đối với Việt Nam |
| VII | Thúc đẩy sản xuất, lan tỏa các sản phẩm văn hóa, văn học, nghệ thuật đại chúng, nội dung giải trí số lành mạnh, bồi dưỡng tâm hồn, thúc đẩy tư duy, sáng tạo cho trẻ em | | | | |
| 1 | Khuyến khích các văn, nghệ sĩ, ca sĩ, đạo diễn sáng tác, sản xuất các sản phẩm văn hóa, văn học, nghệ thuật đại chúng có giá trị giáo dục về văn hóa, lòng yêu nước, lịch sử, tinh thần tự hào dân tộc, có giá trị nhân văn, đề cao đạo đức, bồi dưỡng tâm hồn cho trẻ em; các chương trình, ứng dụng giải trí, giáo dục được chứng nhận “Nội dung an toàn cho trẻ em” | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Thực hiện thường xuyên | Các sản phẩm văn hóa, văn học, nghệ thuật đại chúng có giá trị giáo dục trẻ em lành mạnh, tích cực được sáng tác, sản xuất, phát hành |
| 2 | Khuyến khích các cá nhân, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực sáng tạo nội dung số xây dựng các chuyên mục hoặc thường | Bộ Văn hóa, Thể thao và | Bộ Giáo dục và Đào tạo; Liên | Thực hiện thường xuyên | Các sản phẩm tuyên truyền, sáng tạo nội |

| | | | | | |
|-------------|--|---------------------------------|---|------------------------|---|
| | xuyên sản xuất các nội dung số có giá trị giáo dục lành mạnh, bồi dưỡng tâm hồn, bổ trợ kiến thức, kỹ năng số cho trẻ em | Du lịch | minh niềm tin số | | dung số có giá trị giáo dục trẻ em lành mạnh, tích cực, nâng cao kỹ năng số được sản xuất, phát hành |
| 3 | Nghiên cứu, đề xuất cơ chế đặt hàng các sản phẩm văn hóa, văn học, nghệ thuật đại chúng có giá trị giáo dục lành mạnh, tích cực theo các sự kiện trọng đại, dịp kỷ niệm liên quan hoặc theo yêu cầu giáo dục trẻ em | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Bộ Giáo dục và Đào tạo; Liên minh niềm tin số | Thực hiện thường xuyên | Sản phẩm văn hóa, văn học, nghệ thuật đại chúng có giá trị giáo dục trẻ em lành mạnh, tích cực, đảm bảo yêu cầu theo đặt hàng |
| 4 | Xử lý kịp thời, nghiêm minh đối với những văn, nghệ sĩ, ca sĩ, người có ảnh hưởng trên môi trường mạng hoặc sản phẩm nghệ thuật, văn học, nội dung giải trí lệch chuẩn về văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục, vi phạm pháp luật, ảnh hưởng đến trẻ em | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Bộ Công an | Thực hiện thường xuyên | Báo cáo cấp có thẩm quyền kết quả xử lý vi phạm |
| VIII | Nâng cao năng lực cho lực lượng chuyên trách; phòng ngừa, ngăn chặn các mối nguy hại, rủi ro và đấu tranh, xử nghiêm minh các hành vi xâm hại trẻ em trên môi trường mạng | | | | |
| 1 | Hàng năm tổ chức đào tạo, cấp chứng nhận, bổ sung lực lượng Điều tra viên trong Công an nhân dân; định kỳ tổ chức các lớp tập huấn về công tác điều tra thân thiện, xử lý chuyển hướng đối với người chưa thành niên trong các vụ án xâm hại trẻ em trên môi trường mạng; tập huấn nâng cao năng lực phòng, chống xâm hại trẻ em trên môi trường mạng cho lực lượng Công an các địa phương | Bộ Công an | | Thực hiện thường xuyên | Hội nghị, khóa tập huấn được tổ chức thường xuyên; báo cáo cấp có thẩm quyền kết quả thực hiện |
| 2 | Lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng và các cơ quan chức năng áp dụng biện pháp để phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm các hành vi sử dụng môi trường mạng xâm hại trẻ em, gây nguy hại cho trẻ em | Bộ Công an | Mạng lưới ứng cứu và bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng | Thực hiện thường xuyên | Báo cáo cấp có thẩm quyền kết quả phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý |

| | | | | | |
|---|---|--|--|------------------------|--|
| 3 | Tăng cường phối hợp các cơ quan thực thi pháp luật quốc tế tập huấn, nâng cao năng lực điều tra, giải quyết các vụ án xâm hại tình dục trẻ em qua môi trường trực tuyến cho lực lượng trình sát, điều tra viên của lực lượng Công an | Bộ Công an | | Thực hiện thường xuyên | Hội nghị, khóa tập huấn được tổ chức thường xuyên; báo cáo cấp có thẩm quyền kết quả thực hiện |
| 4 | Tổ chức các lớp tập huấn, trao đổi nghiệp vụ cho các Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân, nâng cao kỹ năng giải quyết các vụ án hình sự có trẻ em tham gia tố tụng; tổ chức các khóa tâm lý học, khoa học giáo dục đối với trẻ em để bảo đảm tối đa quyền và lợi ích hợp pháp trong quá trình giải quyết vụ án | Đề nghị Tòa án nhân dân tối cao chủ trì | | Thực hiện thường xuyên | Hội nghị, khóa tập huấn được tổ chức thường xuyên; báo cáo cấp có thẩm quyền kết quả thực hiện |
| 5 | Tổ chức các lớp tập huấn nâng cao kỹ năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp cho lực lượng cán bộ, kiểm sát viên trong quá trình tố tụng hình sự các vụ án xâm hại trẻ em qua môi trường mạng | Đề nghị Viện Kiểm sát nhân dân tối cao chủ trì | | Thực hiện thường xuyên | Hội nghị, khóa tập huấn được tổ chức thường xuyên; báo cáo cấp có thẩm quyền kết quả thực hiện |
| 6 | Thường xuyên tổ chức tập huấn kiến thức, kỹ năng về bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng, nhận diện nguy cơ trẻ em bị xâm hại trên môi trường mạng, hướng dẫn kỹ năng sử dụng mạng an toàn và năng lực phân loại, điều phối tin báo đến lực lượng chức năng phục vụ hoạt động tư vấn, hỗ trợ, can thiệp của Tổng đài 111; triển khai các chương trình tập huấn kỹ năng giao tiếp, tương tác, hướng dẫn thân thiện đối với trẻ em cho lực lượng cán bộ, chuyên viên làm công tác bảo vệ trẻ em của các bộ, ban ngành | Bộ Y tế | | Thực hiện thường xuyên | Hội nghị, khóa tập huấn được tổ chức thường xuyên; báo cáo cấp có thẩm quyền kết quả thực hiện |
| 7 | Tư vấn, hỗ trợ giúp trẻ phục hồi về tâm lý, thể chất và tinh thần khi bị xâm hại trên môi trường mạng cũng như hỗ trợ pháp lý cho trẻ em; hỗ trợ tái hòa nhập, phát triển kỹ năng bản thân sau khi bị tổn thương | Bộ Y tế | | Thực hiện thường xuyên | Báo cáo cấp có thẩm quyền kết quả tư vấn, hỗ trợ |

| IX | Củng cố công tác phối hợp liên ngành, đảm bảo thông suốt, thường trực và hiệp đồng hiệu quả | | | | |
|----|---|------------|---|------------------------|---|
| 1 | Kiện toàn hoạt động của “Mạng lưới ứng cứu, bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng” (Thành lập theo Quyết định số 716/QĐ-BTTTT ngày 26/5/2021), điều chỉnh cơ chế hoạt động, mở rộng kết nối công - tư, huy động hiệu quả các nguồn lực phục vụ công tác bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng | Bộ Công an | Hội Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam; Hiệp hội An ninh mạng quốc gia | Quý II/2026 | Quyết định kiện toàn Mạng lưới; quy chế hoạt động trong giai đoạn 2026-2030 |
| 2 | Các bộ, ban ngành liên quan chỉ đạo bố trí, hình thành mạng lưới đầu mối thường trực theo ngành dọc tại 100% các địa phương, sẵn sàng phục vụ tiếp nhận, xử lý các yêu cầu công tác bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng | Bộ Công an | Bộ Y tế; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Tư pháp; Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; Tòa án nhân dân tối cao | Quý III/2026 | Các cơ quan chủ trì, phối hợp có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn bố trí đầu mối, thiết lập mạng lưới theo ngành dọc phục vụ thực hiện Chương trình |
| X | Tăng cường hợp tác quốc tế | | | | |
| 1 | Duy trì tham gia các hoạt động thực thi pháp luật quốc tế, tiếp tục thực hiện tốt chức năng điều phối hợp tác trong khuôn khổ INTERPOL, ASEANAPOL; đảm bảo 100% các yêu cầu xác minh vụ việc xâm hại tình dục trẻ em, tán phát tài liệu khiêu dâm trẻ em, thông tin về đối tượng nước ngoài có tiền sử xâm hại tình dục trẻ em nhập cảnh Việt Nam từ đối tác, cơ quan thực thi pháp luật nước ngoài, được tiếp nhận, điều phối Công an các đơn vị, địa phương xử lý | Bộ Công an | | Thực hiện thường xuyên | Các hoạt động thực thi pháp luật quốc tế thực hiện thường xuyên; báo cáo cấp có thẩm quyền kết quả thực hiện |
| 2 | Tiếp tục tăng cường các hoạt động hợp tác với Cơ quan phòng, chống ma túy và tội phạm Liên hợp quốc (UNODC) trong tập huấn, đào tạo nâng cao năng lực phòng, chống tội phạm xâm hại trẻ em trên môi trường mạng cho lực lượng chức năng Việt Nam; thực thi các quy định, khuyến nghị của Công ước Hà Nội và thúc đẩy việc thành lập Trung tâm khu vực về phòng, | Bộ Công an | Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan | Thực hiện thường xuyên | Các hoạt động hợp tác quốc tế với UNODC thực hiện thường xuyên; báo cáo cấp có thẩm quyền kết quả |

| | chống tội phạm mạng của UNODC tại Việt Nam | | | | thực hiện |
|---|---|--|---|------------------------|--|
| 3 | Thúc đẩy mở rộng ký kết, thực hiện tốt các hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa Việt Nam và các quốc gia phục vụ đấu tranh tội phạm xâm hại trẻ em, tán phát tài liệu khiêu dâm trẻ em xuyên quốc gia | Đề nghị Viện Kiểm sát nhân dân tối cao chủ trì | Bộ Công an; Bộ Ngoại giao | Thực hiện thường xuyên | Các hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự thực hiện thường xuyên |
| 4 | Hợp tác chặt chẽ với Tòa án các nước, đối tác nước ngoài thực hiện các dự án hỗ trợ kỹ thuật, nâng cao hiệu quả giải quyết, xét xử các vụ án xâm hại trẻ em trên môi trường mạng. | Đề nghị Tòa án nhân dân tối cao chủ trì | | Thực hiện thường xuyên | Các hoạt động hợp tác Tòa án các nước thực hiện thường xuyên |
| 5 | Thiết lập cơ chế đối thoại thường niên về an ninh mạng đối với ngành giáo dục trong khuôn khổ ASEAN, APEC, đồng phát triển và nghiên cứu tiếp thu, thúc đẩy áp dụng các khung chính sách, công nghệ, tiêu chuẩn quốc tế về an ninh mạng vào ngành giáo dục Việt Nam | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Bộ Ngoại giao; Bộ Công an | Thực hiện thường xuyên | Hoạt động đối thoại quốc tế về an ninh mạng trong ngành giáo dục thực hiện thường xuyên; báo cáo cấp có thẩm quyền kết quả |
| 6 | Khuyến khích các tổ chức phi chính phủ quốc tế tuân thủ pháp luật Việt Nam, tăng cường các hoạt động, dự án nâng cao năng lực số, thu hẹp khoảng cách số, phòng ngừa xâm hại trẻ em trên môi trường mạng | Bộ Công an | Bộ Ngoại giao; Hội Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam | Thực hiện thường xuyên | Thực hiện các hoạt động làm việc, tác động, thúc đẩy, khuyến khích thường xuyên; báo cáo cấp có thẩm quyền kết quả thực hiện |
| 7 | Cung cấp các nội dung đánh giá, xây dựng báo cáo quốc gia của Việt Nam về bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng phục vụ xếp hạng, đánh giá của quốc tế khi có yêu cầu | Bộ Công an | Tòa án nhân dân tối cao; Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Bộ Y tế; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Khoa học | Thực hiện thường xuyên | Báo cáo trình cấp có thẩm quyền phê duyệt báo cáo quốc gia của Việt Nam hoặc nội dung trao đổi quốc tế |

| | | | | | |
|-----------|--|------------|--|------------------------|--|
| | | | và Công nghệ; Bộ Tư pháp | | |
| 8 | Kêu gọi, vận động các nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và các nguồn vốn hỗ trợ quốc tế hợp pháp theo quy định pháp luật cho các chương trình, dự án về bảo vệ, hỗ trợ trẻ em phát triển, nâng cao năng lực số trên môi trường mạng | Bộ Công an | Bộ Tài chính; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Y tế; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Ngoại giao; Hội Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam | Thực hiện thường xuyên | Báo cáo cấp có thẩm quyền kết quả vận động các nguồn vốn hợp pháp và hiệu quả sử dụng phục vụ bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng |
| XI | Đảm bảo cơ chế kiểm tra, giám sát, đánh giá, sơ kết, tổng kết về kết quả triển khai; có cơ chế ghi nhận, khen thưởng, vinh danh các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc | | | | |
| 1 | Định kỳ tổ chức Đoàn kiểm tra liên ngành kết quả thực hiện Chương trình tại các địa phương, bộ, ngành, doanh nghiệp liên quan | Bộ Công an | | Thực hiện thường xuyên | Tổ chức Đoàn kiểm tra liên ngành theo tình hình thực tiễn; báo cáo cấp thẩm quyền kết quả kiểm tra và đề xuất công tác |
| 2 | Đảm bảo thực hiện công tác sơ kết hàng năm và tổng kết giai đoạn 2026-2030; có hình thức biểu dương, khen thưởng theo quy định đối với các cá nhân, tập thể có nhiều thành tích xuất sắc trong việc thực hiện Chương trình | Bộ Công an | | Thực hiện thường xuyên | Báo cáo cấp thẩm quyền sơ kết hàng năm và tổng kết giai đoạn 2026-2030; tổ chức Hội nghị theo tình hình thực tế |
| 3 | Nghiên cứu phát động Giải thưởng quốc gia nhằm vinh danh đối với các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp có đóng góp nổi bật trong công tác bảo vệ và hỗ trợ trẻ em phát triển trên môi trường mạng | Bộ Công an | | Thực hiện thường xuyên | Báo cáo cấp thẩm quyền phê duyệt hình thức giải thưởng vinh danh phù hợp |